

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐỒNG NAI**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020**

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8 - 9
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 36



# CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐỒNG NAI

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Gạch ngói Đồng Nai trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Gạch ngói Đồng Nai (gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Gạch ngói Đồng Nai theo Quyết định số 2313/QĐ-BXD ngày 15 tháng 12 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc phê duyệt điều chỉnh phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty Gạch ngói Đồng Nai thuộc Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng Số 1 thành Công ty cổ phần. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0300397028, đăng ký lần đầu ngày 21 tháng 3 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp và thay đổi lần thứ sáu ngày 03 tháng 01 năm 2019 về việc thay đổi người đại diện pháp luật.

Vốn điều lệ theo Đăng ký Kinh doanh thay đổi lần thứ 6 ngày 03 tháng 01 năm 2019 là: 90.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Chín mươi tỷ đồng*), được chia thành 9.000.000 cổ phần (mỗi cổ phần có mệnh giá 10.000 đồng).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: DONG NAI BRICK AND TILE CORPORATION

Tên Công ty viết tắt là: TUILDONAI CORP.

Trụ sở chính Công ty tại: Số 119, đường Điện Biên Phủ, Phường ĐaKao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là GND trên sàn UPCOM.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Nguyễn Đức Hoàng	Chủ tịch
	Bà Bùi Thị Chiêm	Thành viên
	Ông Võ Đình Thanh Thuyên	Thành viên
	Ông Nguyễn Hoàng Linh	Thành viên
	Ông Nguyễn Hoàng Hải	Thành viên
<b>Ban Kiểm Soát</b>	Ông Lê Minh Đức	Trưởng ban
	Ông Hoàng Hữu Thăng	Thành viên
	Ông Trần Hồng Tuấn	Thành viên
<b>Ban Tổng Giám đốc</b>	Ông Nguyễn Đức Dũng	Tổng Giám đốc
	Ông Hoàng Quang Tuyền	Phó Tổng Giám đốc Kỹ thuật sản xuất
	Ông Nguyễn Văn Vinh	Phó Tổng Giám đốc Kế hoạch đầu tư
	Ông Hoàng Hữu Thăng	Phó Tổng Giám đốc Hành chính nhân sự
	Ông Nguyễn Hoàng Linh	Phó Tổng Giám đốc - Giám đốc Nhà máy 5 (bỏ nhiệm từ ngày 15/5/2020)
	Ông Nguyễn Thanh Long	Phó Tổng Giám đốc - Giám đốc Nhà máy 2 (bỏ nhiệm từ ngày 15 tháng 5 năm 2020)

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

**CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính hợp nhất để Báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



**Nguyễn Đức Dũng**  
**Tổng Giám đốc**

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2021*

Số: 98/2021/BCKTHN-CPA VIETNAM-HCM

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 của Công ty Cổ phần Gạch ngói Đồng Nai

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Gạch ngói Đồng Nai**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Gạch ngói Đồng Nai, được lập ngày 29 tháng 3 năm 2021, từ trang 05 đến trang 36, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ nhất trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



**Bùi Thị Thúy**

**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 04/2021/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2021 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**

**Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2021

A blue handwritten signature of Lưu Minh Tới.

**Lưu Minh Tới**

**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3920-2017-137-1

10  
0  
T  
T  
H  
H  
1

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐỒNG NAI**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 01-DN/HN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>293.693.202.316</b>	<b>268.102.648.632</b>
<b>I- Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>158.742.967.590</b>	<b>162.643.843.709</b>
1. Tiền	111		45.742.967.590	57.121.129.490
2. Các khoản tương đương tiền	112		113.000.000.000	105.522.714.219
<b>II- Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>10.000.000.000</b>	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	10.000.000.000	-
<b>III- Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>42.677.896.892</b>	<b>22.302.466.938</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	33.814.549.342	21.923.346.340
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		8.696.770.989	2.134.288.623
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	2.509.354.918	585.002.737
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	5.5	(2.342.778.357)	(2.340.170.762)
<b>IV- Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.6</b>	<b>77.210.956.018</b>	<b>82.578.091.698</b>
1. Hàng tồn kho	141		89.712.072.527	95.862.750.929
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(12.501.116.509)	(13.284.659.231)
<b>V- Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>5.061.381.816</b>	<b>578.246.287</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.10	4.803.071.891	16.500.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		258.309.925	544.586.420
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.13	-	17.159.867
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210+220+220+230+40+250+260)	<b>200</b>		<b>104.959.114.827</b>	<b>103.243.524.464</b>
<b>I Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>	<b>5.4</b>	<b>1.432.296.659</b>	<b>1.294.495.885</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216		1.432.296.659	1.294.495.885
<b>II Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>37.413.854.570</b>	<b>36.076.972.124</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	37.413.854.570	36.076.972.124
- Nguyên giá	222		326.610.873.083	317.547.715.865
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(289.197.018.513)	(281.470.743.741)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	-	-
- Nguyên giá	228		104.103.860	104.103.860
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(104.103.860)	(104.103.860)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>5.9</b>	<b>4.891.000.967</b>	<b>5.388.390.887</b>
1. Nguyên giá	231		12.207.837.490	12.207.837.490
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		(7.316.836.523)	(6.819.446.603)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>3.239.600.000</b>	<b>4.239.600.000</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.11	3.239.600.000	4.239.600.000
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
<b>VI Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>57.982.362.631</b>	<b>56.244.065.568</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	57.982.362.631	56.244.065.568
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100+200)	<b>270</b>		<b>398.652.317.143</b>	<b>371.346.173.096</b>

11/01/2021 10:00:00 AM

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐỒNG NAI**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 01-DN/HN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
<b>A- NỢ PHẢI TRẢ</b> (300 = 310+330)	<b>300</b>		<b>97.549.673.764</b>	<b>99.940.661.540</b>
<b>I- Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>95.970.915.453</b>	<b>98.185.773.229</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	18.509.726.152	22.244.381.526
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.076.548.655	2.333.270.499
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	7.013.526.600	7.090.697.273
4. Phải trả người lao động	314		11.598.418.649	20.026.806.072
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	1.931.246.279	2.372.509.007
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	9.936.966.351	9.338.352.030
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16	26.241.351.495	17.801.225.550
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	637.000.000
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		19.663.131.272	16.341.531.272
<b>II- Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.578.758.311</b>	<b>1.754.888.311</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	5.15	1.578.758.311	1.754.888.311
<b>B- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b> (400 = 410+430)	<b>400</b>		<b>301.102.643.379</b>	<b>271.405.511.556</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.17</b>	<b>301.102.643.379</b>	<b>271.405.511.556</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		90.000.000.000	90.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		90.000.000.000	90.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		8.226.167.169	8.305.148.444
3. Cổ phiếu quỹ	415		(5.436.345.621)	-
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		118.795.738.147	106.484.738.147
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		89.517.083.684	66.615.624.965
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kì trước	421a		34.715.784.965	12.260.085.335
- LNST chưa phân phối kì này	421b		54.801.298.719	54.355.539.630
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	423		-	-
<b>II- Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300+400)	<b>440</b>		<b>398.652.317.143</b>	<b>371.346.173.096</b>

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2021

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Xuân Quang

Bùi Thị Chiêm

Nguyễn Đức Dũng



**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐỒNG NAI**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 02-DN/HN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.18	369.209.927.324	394.472.418.111
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.18	4.392.616.913	5.367.541.130
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.18	364.817.310.411	389.104.876.981
4. Giá vốn hàng bán	11	5.19	247.040.690.456	283.656.606.257
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)</b>	<b>20</b>		<b>117.776.619.955</b>	<b>105.448.270.724</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.20	7.266.230.816	5.111.869.306
7. Chi phí tài chính	22	5.21	1.394.042.391	1.147.497.932
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>1.043.468.944</i>	<i>851.611.090</i>
8. Lãi/(lỗ) trong Công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	5.22	23.338.144.257	23.934.675.456
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.23	31.403.891.955	29.847.560.315
<b>11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}</b>	<b>30</b>		<b>68.906.772.168</b>	<b>55.630.406.327</b>
12. Thu nhập khác	31	5.24	54.945.587	138.812.689
13. Chi phí khác	32	5.24	2.797.000	205.737.834
<b>14. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)</b>	<b>40</b>		<b>52.148.587</b>	<b>(66.925.145)</b>
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)</b>	<b>50</b>		<b>68.958.920.755</b>	<b>55.563.481.182</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.25	14.119.781.129	11.577.201.815
<b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>54.839.139.626</b>	<b>43.986.279.367</b>
19. Lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ	61		54.839.139.626	43.986.279.367
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.26	6.247,05	3.812,59

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2021

Người lập



Nguyễn Xuân Quang

Kế toán trưởng



Bùi Thị Chiêm

Tổng Giám đốc



Nguyễn Đức Dũng

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐỒNG NAI**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 03-DN/HN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2020	Năm 2019
		VND	VND
<b>I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	68.958.920.755	55.563.481.182
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	8.223.664.692	32.186.429.547
- Các khoản dự phòng	03	(1.417.935.127)	5.327.047.665
- Lãi/ lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(9.208.575)	215.436.935
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(6.882.838.047)	(4.531.312.441)
- Chi phí lãi vay	06	1.043.468.944	851.611.090
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	69.916.072.642	89.612.693.978
- Tăng/giảm các khoản phải thu	09	(20.245.922.916)	33.564.447.491
- Tăng/giảm hàng tồn kho	10	6.150.678.402	(22.746.617.867)
- Tăng/giảm các khoản phải trả	11	(16.324.376.379)	(21.466.925.119)
- Tăng/giảm chi phí trả trước	12	(6.524.868.954)	27.136.386.980
- Tiền lãi vay đã trả	14	(1.043.468.944)	(851.611.090)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(13.323.713.506)	(10.642.417.620)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	492.759.245	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(6.882.000.152)	(15.275.777.651)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20	<b>12.215.159.439</b>	<b>79.330.179.102</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(6.038.431.183)	(7.854.391.952)
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(10.000.000.000)	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	6.882.838.047	4.531.312.441
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30	<b>(9.155.593.136)</b>	<b>(3.323.079.511)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	12.578.900.003	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	(18.094.226.899)	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	127.579.462.096	105.909.179.154
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(119.139.336.151)	(106.345.346.604)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(9.803.721.000)	(17.028.812.500)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40	<b>(6.878.921.951)</b>	<b>(17.464.979.950)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	50	<b>(3.819.355.648)</b>	<b>58.542.119.641</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	60	<b>162.643.843.709</b>	<b>104.327.759.971</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	61	<b>(81.520.471)</b>	<b>(226.035.903)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	70	<b>158.742.967.590</b>	<b>162.643.843.709</b>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2021

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Xuân Quang

Bùi Thị Chiêm

Nguyễn Đức Dũng

# CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐỒNG NAI

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu B 09-DN/HN

### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

#### 1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Gạch ngói Đồng Nai (gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Gạch ngói Đồng Nai theo Quyết định số 2313/QĐ-BXD ngày 15 tháng 12 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc phê duyệt điều chỉnh phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty Gạch ngói Đồng Nai thuộc Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng Số 1 thành công ty cổ phần. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0300397028, đăng ký lần đầu ngày 21 tháng 3 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp và thay đổi lần thứ sáu ngày 03 tháng 01 năm 2019 về việc thay đổi người đại diện pháp luật.

Vốn điều lệ theo Đăng ký Kinh doanh thay đổi lần thứ 6 ngày 03 tháng 01 năm 2019 là: 90.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: chín mươi tỷ đồng*), được chia thành 9.000.000 cổ phần (mỗi cổ phần có mệnh giá 10.000 đồng).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: DONG NAI BRICK AND TILE CORPORATION, tên viết tắt là: TUILDONAI CORP.

Trụ sở chính Công ty tại: Số 119, đường Điện Biên Phủ, phường ĐaKao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch trên sàn UpCOM tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là GND.

Số lao động bình quân năm 2020 là 558 người (năm 2019 là: 595 người).

#### 1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lĩnh vực hoạt động gồm:

Công nghiệp sản xuất gạch ngói, vật liệu chịu lửa, gốm sứ xây dựng; Khai thác, chế biến khoáng sản; Đầu tư kinh doanh nhà và đô thị, văn phòng, căn hộ cao cấp, khu công nghiệp và khu dân cư; Môi giới bất động sản; Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, các công trình kỹ thuật hạ tầng và khu công nghiệp; Trang trí nội ngoại thất công trình; Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng, vật tư máy móc trong lĩnh vực vật liệu xây dựng; Đại lý kinh doanh xăng dầu; Mua bán thiết bị văn phòng, đồ gỗ, kim khí điện máy; Quảng cáo thương mại; Mua bán hàng tiêu dùng: thực phẩm, nước giải khát (không kinh doanh dịch vụ ăn uống), xe ô tô, xe gắn máy, phụ tùng xe gắn máy; Tư vấn và chuyển giao công nghệ sản xuất gốm thô; Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô; Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính - kế toán).

Trong năm, hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất các loại gạch ngói, vật liệu chịu lửa, gốm sứ xây dựng, cho thuê văn phòng và dịch vụ vận tải ./.

#### 1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

#### 1.4 Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất

Tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 gặp nhiều khó khăn trong hoàn cảnh diễn biến dịch Covid-19 kéo dài. Thị trường tiêu thụ nội địa và xuất khẩu giảm mạnh dẫn đến việc Công ty đã phải điều chỉnh kế hoạch sản xuất nhằm phù hợp với năng lực tiêu thụ. Giảm sản lượng còn 80% so với năng lực sản xuất của các nhà máy. Mặc dù sản lượng sản xuất giảm nhưng vẫn duy trì và đảm bảo 100% số lượng cán bộ công nhân viên đủ việc làm và đảm bảo thu nhập. Chính vì vậy chi phí đầu vào tăng cao như tiền lương, nhiên liệu và điện năng đã tạo nên các chi phí khác tăng cao. Đứng trước tình hình đó các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã bám sát quá trình sản xuất, kinh doanh, thắt chặt chi tiêu, tiết giảm chi phí để góp phần hạ giá thành sản phẩm và tạo điều kiện điều tiết và linh hoạt trong chính sách bán hàng, hài hòa về chính sách công nợ nhằm giảm thiểu sản lượng tồn kho.

D.N  
C  
T  
KIẾ  
ĐA  
37

# CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐỒNG NAI

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

### 1.5 Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có đầu tư vào Công ty con và các đơn vị trực thuộc như sau:

	Hoạt động chính	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ biểu quyết
<b>Đầu tư vào Công ty con</b>			
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại TUILDONAI	Kinh doanh gạch ngói	100%	100%
<b>Các đơn vị trực thuộc</b>			
Nhà máy Gạch Ngói Đồng Nai 2	Sản xuất gạch ngói		
Nhà máy Gạch Ngói Việt Đức	Sản xuất gạch ngói		
Nhà Máy Khai Thác & Chế biến Khoáng Sản	Khai thác mỏ sét		

### 1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành; Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 về việc bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là có thể so sánh được.

## 2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

## 3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014; Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về việc bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC và Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

### Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

### Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký Chung.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất được hợp nhất từ Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các Công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các Công ty trong cùng Công ty mẹ được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu trong phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của Cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của Công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

**Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của Công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua Công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua Công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

**Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

**Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

# CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐỒNG NAI

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

#### Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán (Tiếp theo)

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất

- (i) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, Nợ phải thu,...): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2020.
- (ii) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,..): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá - 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại các khoản mục có gốc tiền tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Thời điểm	Ngân hàng	Tỷ giá mua vào	Tỷ giá bán ra
31/12/2020	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	23.010 VND/USD	23.190 VND/USD

#### Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn)

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu - chi.

#### Tương đương tiền

Là khoản tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý căn cứ vào khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

Tất cả các khoản đầu tư được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

# CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐỒNG NAI

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

#### Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa Công ty mẹ và Công ty con). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.
- Phải thu nội bộ gồm các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo Tài chính hợp nhất.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc có dấu hiệu khó đòi do khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

#### Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

#### Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 và Thông tư 147/2016/TT-BTC ban hành ngày 13 tháng 10 năm 2016 và Thông tư 28/2017/TT-BTC ban hành ngày 12 tháng 4 năm 2017 về sửa đổi và bổ sung Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

# CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐỒNG NAI

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình (Tiếp theo)**

#### *a. Nguyên tắc kế toán*

##### Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

##### Tài sản cố định vô hình

- Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy vi tính.

#### *b. Phương pháp khấu hao*

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Thời gian khấu hao</u>
	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc khác	08 - 25
Máy móc, thiết bị khác	03 - 10
Phương tiện vận tải	08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08
Tài sản cố định khác	06 - 08

Tài sản cố định vô hình là giá trị phần mềm kế toán đã khấu hao hết.

#### **Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư của Công ty bao gồm giá trị xây dựng (không bao gồm nội thất và thang máy) của tòa nhà Văn phòng tại Số 119 Điện Biên Phủ, phường ĐaKao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh được sử dụng cho mục đích thu lợi từ việc cho thuê, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 25 năm.

#### **Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước dài hạn là quyền sử dụng đất có thời hạn, được phân bổ theo thời hạn cấp phép khai thác khoáng sản:

Giai đoạn 1: UBND tỉnh Bình Dương cấp Giấy phép khai thác khoáng sản (sét gạch ngói) số 87/GP-UBND ngày 11 tháng 9 năm 2009 với diện tích 88.753 m<sup>2</sup> (gồm 03 Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AP 934370, AP 934371, AP 934372 ngày 09 tháng 11 năm 2009). Thời gian khai thác là 20 năm kể từ tháng 11 năm 2009. Phương thức: Nhà nước giao đất trả tiền hàng năm.





**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước (Tiếp theo)**

Giai đoạn 2: UBND tỉnh Bình Dương cấp Giấy phép khai thác khoáng sản (sét gạch ngói) số 42/GP-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2014 thay thế Giấy phép khai thác khoáng sản số 87/GP-UBND ngày 11 tháng 9 năm 2009 với diện tích 27 ha (gồm 06 Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CK 047267, CK 047268, CK 047270, CK 047271, CK 047278, CK 047280, CK 047280 ngày 17 tháng 7 năm 2017). Thời gian khai thác là 08 năm 10 tháng kể từ tháng 11 năm 2014. Phương thức: Nhà nước giao đất trả tiền hàng năm, thời gian sử dụng đất đến ngày 13 tháng 9 năm 2023.

**Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa Công ty mẹ và Công ty con).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Bao gồm các khoản tiền vay, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

# CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐỒNG NAI

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

#### Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

#### Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán hợp nhất; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- Hàng bán bị trả lại: do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Công ty ghi nhận theo nguyên tắc:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: Ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo.
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: Ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

**Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong năm (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư...) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.
- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoãn nộp tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20% trên thu nhập chịu thuế.

151 22 22 15

# CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐỒNG NAI

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

#### Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông trừ đi số đã trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi sau đó chia cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

#### Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

#### Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Trong năm, Công ty hoạt động sản xuất các loại gạch ngói tại khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam nên không lập Báo cáo bộ phận.

### 5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH HỢP NHẤT

#### 5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	601.099.435	215.539.566
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	45.141.868.155	56.905.589.924
Tương đương tiền	113.000.000.000	105.522.714.219
<b>Tổng</b>	<b>158.742.967.590</b>	<b>162.643.843.709</b>

Các khoản tương đương tiền là khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn dưới 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Á Châu với lãi suất từ 3,5%.

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐỒNG NAI**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN/HN

**5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
- Trái phiếu (*)	10.000.000.000	10.000.000.000	-	-
<b>Tổng</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>10.000.000.000</b>	-	-

(\*) Trái phiếu mua theo hợp đồng số 141/2020/HĐ-ĐMTP-VDS ngày 08 tháng 10 năm 2020 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt phát hành:

- Loại hình trái phiếu: trái phiếu không chuyển đổi.
- Mệnh giá 1.000.000.000 đồng/trái phiếu.
- Kỳ hạn 01 năm kể từ ngày phát hành trái phiếu ngày 08 tháng 10 năm 2020
- Lãi suất 9%/ năm.
- Giá phát hành 100% mệnh giá.
- Tiền lãi được thanh toán vào ngày 08 hàng tháng.

**5.3 Các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Mao Kim Sean Depot	13.344.442.410	2.191.174.650
Công ty TNHH Thiên Sơn Tây Đô	-	3.302.073.807
Công ty TNHH MTV Ba Hạnh	2.196.105.443	2.344.970.813
Công ty Cổ Phần Phúc Lợi Đồng Tháp	1.263.811.502	2.037.805.140
Công ty TNHH Đại Lợi Hưng	1.624.948.008	2.209.439.731
Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Thiên Sơn Cần Thơ	2.988.294.786	-
Phải thu các khách hàng còn lại	12.396.947.193	9.837.882.199
<b>Tổng</b>	<b>33.814.549.342</b>	<b>21.923.346.340</b>

12/12/2020

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐỒNG NAI**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN/HN

**5.4 Các khoản phải thu khác**

	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá trị ghi số	Dự phòng	Giá trị ghi số	Dự phòng
a) Ngắn hạn	2.509.354.918	-	585.002.737	-
Tạm ứng	2.371.866.205	-	579.030.105	-
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn (Phan Châu Hà)	120.000.000	-	-	-
Phải thu khác	17.488.713	-	5.972.632	-
b) Dài hạn	1.432.296.659	-	1.294.495.885	-
Ký cược, ký quỹ	1.432.296.659	-	1.294.495.885	-
<b>Tổng</b>	<b>3.941.651.577</b>	<b>-</b>	<b>1.879.498.622</b>	<b>-</b>

**5.5 Nợ xấu**

	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH Tân Hương	1.957.848.601	-	1.957.848.601	-
Các đối tượng khác	385.080.731	150.975	412.410.931	30.088.770
<b>Tổng</b>	<b>2.342.929.332</b>	<b>150.975</b>	<b>2.370.259.532</b>	<b>30.088.770</b>

Trong đó:

	Quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm VND		Quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm VND		Quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm VND		Quá hạn trên 3 năm VND
	Quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm VND	Quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm VND	Quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm VND	Quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm VND	Quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm VND	Quá hạn trên 3 năm VND	
Thời gian quá hạn	-	-	-	-	-	-	1.957.848.601
Công ty TNHH Tân Hương	-	-	-	-	503.250	-	384.577.481
Các đối tượng khác	-	-	-	-	503.250	-	2.342.426.082
<b>Tổng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>503.250</b>	<b>-</b>	<b>2.342.426.082</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐÔNG NAI**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN/HN

**5.6 Hàng tồn kho**

	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	48.257.383.180	-	47.464.423.885	-
Công cụ, dụng cụ	2.116.394.303	-	3.357.258.882	-
Chi phí SX KDDĐ	24.383.903	-	27.429.794	-
Thành phẩm	38.486.490.649	(12.469.694.631)	44.191.002.977	(13.253.237.353)
Hàng hóa	827.420.492	(31.421.878)	822.635.391	(31.421.878)
<b>Tổng</b>	<b>89.712.072.527</b>	<b>(12.501.116.509)</b>	<b>95.862.750.929</b>	<b>(13.284.659.231)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐỒNG NAI**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN/HN

**5.7. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Đơn vị tính: VND
						Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Số dư tại ngày 01/01/2020	29.903.801.683	165.936.177.808	16.624.563.913	1.877.321.182	103.205.851.279	317.547.715.865
Tăng trong năm	-	3.024.726.035	5.997.941.183	40.490.000	-	9.063.157.218
Mua trong năm	-	3.024.726.035	5.997.941.183	40.490.000	-	9.063.157.218
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2020	29.903.801.683	168.960.903.843	22.622.505.096	1.917.811.182	103.205.851.279	326.610.873.083
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Số dư tại ngày 01/01/2020	24.017.304.047	143.030.090.395	10.099.477.730	1.859.828.000	102.464.043.569	281.470.743.741
Tăng trong năm	1.209.278.892	3.694.316.262	2.380.600.204	12.428.405	429.651.009	7.726.274.772
Khấu hao trong năm	1.209.278.892	3.694.316.262	2.380.600.204	12.428.405	429.651.009	7.726.274.772
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2020	25.226.582.939	146.724.406.657	12.480.077.934	1.872.256.405	102.893.694.578	289.197.018.513
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày 01/01/2020	5.886.497.636	22.906.087.413	6.525.086.183	17.493.182	741.807.710	36.076.972.124
Tại ngày 31/12/2020	4.677.218.744	22.236.497.186	10.142.427.162	45.554.777	312.156.701	37.413.854.570

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 với giá trị là 255.421.182.374 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 với giá trị là 254.690.636.920 đồng).

**5.8. Tài sản cố định vô hình**

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 với giá trị là 104.103.860 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 với giá trị là 104.103.860 đồng).



**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐỒNG NAI**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN/HN

**5.9 Bất động sản đầu tư***Đơn vị tính: VND*

Khoản mục	01/01/2020	Tăng		Giảm	31/12/2020
		trong năm	trong năm		
<b>Nguyên giá</b>	<b>12.207.837.490</b>	-	-	-	<b>12.207.837.490</b>
- Nhà và quyền sử dụng đất	12.207.837.490				12.207.837.490
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	<b>6.819.446.603</b>	<b>497.389.920</b>		-	<b>7.316.836.523</b>
- Nhà và quyền sử dụng đất	6.819.446.603	497.389.920			7.316.836.523
<b>Giá trị còn lại</b>	<b>5.388.390.887</b>	-	<b>497.389.920</b>		<b>4.891.000.967</b>
- Nhà và quyền sử dụng đất	5.388.390.887	-	497.389.920		4.891.000.967

Bất động sản đầu tư là giá trị tòa nhà Văn phòng tại Số 119 Điện Biên Phủ, Phường ĐaKao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh (không bao gồm giá trị nội thất và giá trị thang máy). Tòa nhà này được dùng vừa làm văn phòng của Công ty vừa cho mục đích thuê. Tuy nhiên, diện tích phần lớn là cho thuê nên Công ty theo dõi toàn bộ trên giá trị tài sản Bất động sản đầu tư và được khấu hao cho thời gian 25 năm.

**5.10 Chi phí trả trước**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>4.803.071.891</b>	<b>16.500.000</b>
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ (*)	4.787.071.891	-
Chi phí thuê văn phòng	16.000.000	16.500.000
<b>b) Dài hạn</b>	<b>57.982.362.631</b>	<b>56.244.065.568</b>
Quyền sử dụng đất có thời hạn	57.945.067.295	56.209.452.310
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	37.295.336	34.613.258
<b>Tổng</b>	<b>62.785.434.522</b>	<b>56.260.565.568</b>

(\*) Công cụ dụng cụ chờ phân bổ ngắn hạn là chi phí sửa chữa Hệ thống béc đốt CNG theo Tờ trình mua sắm, sửa chữa số 1310/BC - GNDN - KTVT ngày 01 tháng 11 năm 2019 với giá trị ban đầu là 6.382.762.522 đồng, thời gian phân bổ là 12 tháng kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2020. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, số tháng phân bổ còn lại là 9 tháng.

N: /  
 CÔ T  
 KIẾ  
 A  
 H

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐÔNG NAI**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN/HN

**5.11 Xây dựng cơ bản dở dang**Đơn vị tính: VND

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<b>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>3.239.600.000</b>	<b>3.239.600.000</b>	<b>4.239.600.000</b>	<b>4.239.600.000</b>
Xí nghiệp Mò sét số 6	-	-	1.000.000.000	1.000.000.000
Mua sắm tài sản cố định	3.239.600.000	3.239.600.000	3.239.600.000	3.239.600.000
<b>Tổng</b>	<b>3.239.600.000</b>	<b>3.239.600.000</b>	<b>4.239.600.000</b>	<b>4.239.600.000</b>

**5.12 Phải trả người bán ngắn hạn**Đơn vị tính: VND

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Công ty Xăng Dầu Khu Vực 2- TNHH MTV	-	-	2.403.401.000	2.403.401.000
Công ty TNHH Phương Thảo	146.943.400	146.943.400	4.832.423.707	4.832.423.707
Công ty BEHN MEYER Việt Nam	6.543.115.040	6.543.115.040	5.141.018.960	5.141.018.960
DNTN Cao Kim Long	4.160.908.200	4.160.908.200	94.934.400	94.934.400
Công ty TNHH TM xăng dầu Trung Anh	-	-	3.120.543.647	3.120.543.647
Phải trả người bán khác	7.658.759.512	7.658.759.512	6.652.059.812	6.652.059.812
<b>Tổng</b>	<b>18.509.726.152</b>	<b>18.509.726.152</b>	<b>22.244.381.526</b>	<b>22.244.381.526</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐÔNG NAI**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN/HN

**5.13 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

*Đơn vị tính: VND*

	01/01/2020	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2020
<b>Phải nộp</b>				
Thuế GTGT	7.090.697.273	35.611.180.103	35.688.350.776	7.013.526.600
Thuế xuất, nhập khẩu	1.089.418.192	12.878.215.866	13.085.586.548	882.047.510
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.130.742.113	79.093.765	79.093.765	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.479.651.818	14.119.781.129	13.323.713.506	4.926.809.736
Thuế tài nguyên	348.313.500	3.903.647.789	4.291.382.253	1.091.917.354
Thuế đất	-	2.477.311.479	2.723.564.979	102.060.000
Các loại thuế khác	-	1.739.519.198	1.739.519.198	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	42.571.650	6.000.000	6.000.000	-
<b>Phải thu</b>				
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	17.159.867	407.610.877	439.490.527	10.692.000
	17.159.867	17.159.867	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐỒNG NAI**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN/HN

**5.14 Chi phí phải trả**

	<b>31/12/2020</b>	<b>01/01/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trích trước tiền thuê đất	1.162.979.522	1.162.979.522
Trích trước bốc xếp vận chuyển	93.935.909	356.334.071
Trích trước chi phí khác	674.330.848	853.195.414
<b>Tổng</b>	<b>1.931.246.279</b>	<b>2.372.509.007</b>

**5.15 Các khoản phải trả phải nộp khác**

	<b>31/12/2020</b>	<b>01/01/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>9.936.966.351</b>	<b>9.338.352.030</b>
Kinh phí công đoàn	790.443.172	396.217.199
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	329.615.735	269.989.852
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	7.140.797.562	6.721.157.609
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.676.109.882	1.950.987.370
<b>b) Dài hạn</b>	<b>1.578.758.311</b>	<b>1.754.888.311</b>
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.578.758.311	1.754.888.311
<b>Tổng</b>	<b>11.515.724.662</b>	<b>11.093.240.341</b>

**Chi tiết các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2020</b>	<b>01/01/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Cổ tức của cổ đông	1.054.551.000	942.432.000
Công ty Mua bán Nợ - Bộ Tài chính	287.125.970	287.125.970
Phải trả khác	334.432.912	721.429.400
<b>Tổng</b>	<b>1.676.109.882</b>	<b>1.950.987.370</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐỒNG NAI**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN/HN

**5.16 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn***Đơn vị tính: VND*

	31/12/2020		Trong năm		01/01/2020	
	Số có khả năng trả nợ		Tăng		Số có khả năng trả nợ	
	Giá trị	trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	trả nợ
Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Chiểu	19.115.593.721	19.115.593.721	118.940.462.795	115.523.697.828	15.698.828.754	15.698.828.754
Vay ngắn hạn khác từ cá nhân	7.125.757.774	7.125.757.774	8.638.999.301	3.615.638.323	2.102.396.796	2.102.396.796
- <i>Cán bộ công nhân viên</i>	7.125.757.774	7.125.757.774	8.638.999.301	3.615.638.323	2.102.396.796	2.102.396.796
<b>Tổng</b>	<b>26.241.351.495</b>	<b>26.241.351.495</b>	<b>127.579.462.096</b>	<b>119.139.336.151</b>	<b>17.801.225.550</b>	<b>17.801.225.550</b>

**Vay ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng số 01/2020/93267/HĐTD ngày 01 tháng 4 năm 2020**

Số tiền được vay	Hạn mức tín dụng thường xuyên với số tiền tối đa là 70.000.000.000 đồng.
Mục đích vay	Bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh
Thời hạn vay	Theo từng giấy đề nghị giải ngân kèm hợp đồng tín dụng cụ thể, 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.
Lãi suất vay	Được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể.

Số dư gốc vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 19.115.593.721 đồng

**Vay ngắn hạn của ông Bùi Xuân Đức theo Hợp đồng vay vốn số 01/HĐVV/2020 ngày 29 tháng 3 năm 2020**

Bên cho vay	Tiền thưởng các bộ công nhân viên
Mục đích vay	Bổ sung vốn lưu động (mua nguyên nhiên liệu)
Thời hạn vay	12 tháng

Số dư gốc vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 7.125.757.774 đồng

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐỒNG NAI**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.17 Vốn chủ sở hữu**

**a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

*Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại ngày 01/01/2019	90.000.000.000	8.305.148.444	53.373.613.283	-	82.955.635.993	234.634.397.720
Tăng trong năm	-	-	53.111.124.864	-	71.752.464.374	124.863.589.238
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	43.986.279.367	43.986.279.367
Phân phối lợi nhuận	-	-	53.111.124.864	-	-	53.111.124.864
Điều chỉnh chi phí khấu hao từ 2009-2018	-	-	-	-	27.766.185.007	27.766.185.007
<b>Giảm trong năm</b>	-	-	-	-	<b>88.092.475.402</b>	<b>88.092.475.402</b>
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	53.111.124.864	53.111.124.864
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	6.743.366.343	6.743.366.343
Chia cổ tức năm 2018	-	-	-	-	9.900.000.000	9.900.000.000
Tạm chia cổ tức năm 2019	-	-	-	-	7.200.000.000	7.200.000.000
Chi tiền khen thưởng HĐQT & BKS	-	-	-	-	456.600.000	456.600.000
Chi thưởng Công ty con	-	-	-	-	484.459.451	484.459.451
Truy thu thuế	-	-	-	-	10.175.388.119	10.175.388.119
Phạt hành chính khác	-	-	-	-	21.536.625	21.536.625
<b>Số dư tại ngày 31/12/2019</b>	<b>90.000.000.000</b>	<b>8.305.148.444</b>	<b>106.484.738.147</b>	<b>-</b>	<b>66.615.624.965</b>	<b>271.405.511.556</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐỒNG NAI**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.17 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

**a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

*Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại ngày 01/01/2020	90.000.000.000	8.305.148.444	106.484.738.147	-	66.615.624.965	271.405.511.556
Tăng trong năm	-	(78.981.275)	12.311.000.000	(5.436.345.621)	54.839.139.626	61.634.812.730
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	54.839.139.626	54.839.139.626
Phân phối lợi nhuận	-	-	12.311.000.000	-	-	12.311.000.000
Mua lại cổ phiếu quỹ đã phát hành (**)	-	(78.981.275)	-	(5.436.345.621)	-	(5.515.326.896)
<b>Giảm trong năm</b>	-	-	-	-	31.937.680.907	31.937.680.907
Trích quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	-	-	12.311.000.000	12.311.000.000
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-	-	-	9.233.000.000	9.233.000.000
Chia cổ tức năm 2019 (*)	-	-	-	-	9.915.840.000	9.915.840.000
Chi tiền khen thưởng HĐQT & BKS (*)	-	-	-	-	440.000.000	440.000.000
Truy thu thuế	-	-	-	-	35.474.929	35.474.929
Phạt hành chính khác	-	-	-	-	2.365.978	2.365.978
<b>Số dư tại ngày 31/12/2020</b>	<b>90.000.000.000</b>	<b>8.226.167.169</b>	<b>118.795.738.147</b>	<b>(5.436.345.621)</b>	<b>89.517.083.684</b>	<b>301.102.643.379</b>

(\*) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2019 theo Nghị quyết Đại hội Đồng cổ đông thường niên số 21-2020/NQ-ĐHCD ngày 08 tháng 5 năm 2020 với tỉ lệ như sau: chi trả cổ tức 20% trên vốn điều lệ, quỹ khen thưởng phúc lợi 15% trên lợi nhuận sau thuế, thưởng hoàn thành vượt mức kế hoạch cho HĐQT, BKS 1% trên lợi nhuận sau thuế, quỹ đầu tư phát triển bằng số lợi nhuận sau thuế còn lại.

(\*\*) Mua cổ phiếu quỹ đã phát hành theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 05-2020/NQ-HĐQT ngày 09 tháng 3 năm 2020 về việc thông qua phương án mua lại cổ phiếu làm cổ phiếu quỹ. Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Tổng số cổ phần đăng ký mua lại: 900.000 cổ phần, tương đương 10% số lượng cổ phần đã phát hành của Công ty. Mục đích mua lại cổ phiếu: làm cổ phiếu quỹ để bảo vệ quyền lợi và gia tăng lợi ích cho cổ đông của Công ty. Bán cổ phiếu quỹ theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 36/2020/NQ-HĐQT ngày 30 tháng 11 năm 2020 về việc thông qua phương án bán cổ phiếu quỹ. Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Tổng số cổ phiếu quỹ đăng ký bán: 736.800 cổ phần (trong đó số đã bán cuối năm 2020 là 515.200 cổ phần và đầu năm 2021 là 221.600 cổ phần), tương đương 8,19% tổng số lượng cổ phần đã phát hành của Công ty. Mục đích bán cổ phiếu quỹ: bổ sung nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐỒNG NAI**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN/HN

**5.17 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)****b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

Đối tượng	Tại ngày 31/12/2020			Tại ngày 01/01/2020		
	Tỷ lệ	Số CP	Giá trị cổ phần	Tỷ lệ	Số CP	Giá trị cổ phần
			tính theo mệnh giá (VND)			tính theo mệnh giá (VND)
Công ty TNHH Xây dựng An Cư	0,00%	-	-	4,44%	400.000	4.000.000.000
Ông Nguyễn Đức Hoàng	16,58%	1.492.600	14.926.000.000	16,58%	1.492.600	14.926.000.000
Ông Nguyễn Hoàng Hải	7,50%	675.000	6.750.000.000	7,50%	675.000	6.750.000.000
Ông Nguyễn Hoàng Linh	5,58%	502.300	5.023.000.000	5,58%	502.300	5.023.000.000
Ông Nguyễn Đức Dũng	10,67%	960.000	9.600.000.000	10,67%	960.000	9.600.000.000
Vốn góp của tổ chức, cá nhân khác	59,67%	5.370.100	53.701.000.000	55,23%	4.970.100	49.701.000.000
<b>Tổng</b>	<b>100%</b>	<b>9.000.000</b>	<b>90.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>9.000.000</b>	<b>90.000.000.000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	90.000.000.000	90.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	90.000.000.000	90.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	9.915.840.000	7.200.000.000
Trích quỹ đầu tư phát triển	12.311.000.000	53.111.124.864
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	9.233.000.000	6.743.366.343
Chi tiền khen thưởng HĐQT & BKS	440.000.000	456.600.000
Chi thưởng công ty con	-	484.459.451

**d. Cổ phiếu**

	31/12/2020	01/01/2020
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.000.000	9.000.000
Cổ phiếu phổ thông	9.000.000	9.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	221.600	-
Cổ phiếu phổ thông	221.600	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.778.400	9.000.000
Cổ phiếu phổ thông	8.778.400	9.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000

019  
BT  
HT  
VO  
BTI  
NC



**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐỒNG NAI**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN/HN

**5.17 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)****e. Các quỹ của doanh nghiệp**

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Quỹ đầu tư phát triển	118.795.738.147	106.484.738.147
<b>Tổng</b>	<b>118.795.738.147</b>	<b>106.484.738.147</b>

**5.18 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
<b>a) Doanh thu</b>	<b>369.209.927.324</b>	<b>394.472.418.111</b>
Doanh thu bán hàng	358.318.713.425	383.000.423.054
Doanh thu cung cấp dịch vụ	841.290.278	1.005.853.416
Doanh thu bất động sản đầu tư	10.049.923.621	10.466.141.641
<b>Tổng</b>	<b>369.209.927.324</b>	<b>394.472.418.111</b>

**Các khoản giảm trừ doanh thu****Trong đó:**

- Chiết khấu thương mại

4.392.616.913	5.367.541.130
---------------	---------------

**Tổng**

<b>4.392.616.913</b>	<b>5.367.541.130</b>
----------------------	----------------------

**Doanh thu thuần**

Doanh thu bán hàng	353.926.096.512	377.632.881.924
Doanh thu cung cấp dịch vụ	841.290.278	1.005.853.416
Doanh thu kinh doanh bất động sản	10.049.923.621	10.466.141.641
<b>Tổng</b>	<b>364.817.310.411</b>	<b>389.104.876.981</b>

**5.19 Giá vốn hàng bán**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	242.640.085.860	273.056.204.270
Giá vốn cung cấp dịch vụ	779.686.120	956.210.629
Giá vốn kinh doanh bất động sản	4.404.461.198	4.250.678.761
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(783.542.722)	5.393.512.597
<b>Tổng</b>	<b>247.040.690.456</b>	<b>283.656.606.257</b>

**5.20 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi tiền gửi	6.882.838.047	4.531.312.441
Lãi chênh lệch tỷ giá	383.392.769	580.556.865
<b>Tổng</b>	<b>7.266.230.816</b>	<b>5.111.869.306</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐỒNG NAI**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN/HN

**5.21 Chi phí tài chính**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi tiền vay	1.043.468.944	851.611.090
Lỗ chênh lệch tỷ giá	350.573.447	295.886.842
<b>Tổng</b>	<b>1.394.042.391</b>	<b>1.147.497.932</b>

**5.22 Chi phí bán hàng**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nhân viên	4.799.150.995	6.070.899.094
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	5.701.208.654	7.069.920.429
Chi phí bảo hành sản phẩm	428.894.128	154.456.374
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.725.289.142	7.204.309.026
Chi phí bằng tiền khác	3.683.601.338	3.435.090.533
<b>Tổng</b>	<b>23.338.144.257</b>	<b>23.934.675.456</b>

**5.23 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nhân viên quản lý	15.096.160.489	13.900.921.109
Chi phí vật liệu quản lý	389.231.002	639.433.980
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.884.245.999	1.181.808.012
Thuế phí và lệ phí	5.779.085.149	5.675.107.012
Chi phí dự phòng	2.607.595	(329.270.207)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.349.309.359	290.732.969
Chi phí bằng tiền khác	6.903.252.362	8.488.827.440
<b>Tổng</b>	<b>31.403.891.955</b>	<b>29.847.560.315</b>

**5.24 Lợi nhuận khác**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
<b>Thu nhập khác</b>		
Xử lý công nợ	-	17.681.198
Các khoản khác	54.945.587	121.131.491
<b>Tổng</b>	<b>54.945.587</b>	<b>138.812.689</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Các khoản bị phạt	2.797.000	106.760.183
Xử lý công nợ	-	98.977.645
Chi phí khác	-	6
<b>Tổng</b>	<b>2.797.000</b>	<b>205.737.834</b>
<b>Thu nhập khác thuần</b>	<b>52.148.587</b>	<b>(66.925.145)</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐỒNG NAI**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN/HN

**5.25 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	68.958.920.755	55.563.481.182
<i>Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế:</i>	<i>1.639.984.890</i>	<i>1.551.840.271</i>
<i>Thù lao của hội đồng quản trị không trực tiếp điều hành</i>	<i>238.000.000</i>	<i>259.350.000</i>
<i>Chi phí khấu hao xe ô tô trên có nguyên giá trên 1,6 tỷ</i>	<i>925.140.689</i>	<i>556.984.042</i>
<i>Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại khoản mục tiền, phải thu khách hàng</i>	<i>114.047.201</i>	<i>225.960.401</i>
<i>Chi phí không được trừ</i>	<i>362.797.000</i>	<i>509.545.828</i>
<i>Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế:</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>70.598.905.645</b>	<b>57.115.321.453</b>
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>70.598.905.645</b>	<b>57.115.321.453</b>
Thuế suất thuế TNDN áp dụng	20%	20%
<b>Thuế TNDN hiện hành</b>	<b>14.119.781.129</b>	<b>11.423.064.291</b>
Điều chỉnh thuế TNDN truy thu các năm trước	-	154.137.524
<b>Tổng thuế TNDN hiện hành</b>	<b>14.119.781.129</b>	<b>11.577.201.815</b>

**5.26 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	54.839.139.626	43.986.279.367
Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (*)	-	(9.673.000.000)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	54.839.139.626	34.313.279.367
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	8.778.400	9.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>6.247,05</b>	<b>3.812,59</b>

A red circular stamp is located on the right side of the page. The text inside the stamp is partially visible and includes the words "CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐỒNG NAI".

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐỒNG NAI**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN/HN

**5.26 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Tiếp theo)**

(\*) Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2019 được trình bày lại do ảnh hưởng của việc trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, khen thưởng HĐQT & BKS, cụ thể:

	Năm 2019 Số đã báo cáo VND	Năm 2019 Số trình bày lại VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	43.986.279.367	43.986.279.367
Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	(9.673.000.000)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	43.986.279.367	34.313.279.367
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	9.000.000	9.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>4.887,36</b>	<b>3.812,59</b>

Tại ngày lập Báo cáo tài chính này, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho năm kết thúc ngày 31/12/2020 có thể được phân bổ cho quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng ban điều hành. Nếu loại trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng ban điều hành cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020, lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sẽ giảm và lãi cơ bản trên cổ phiếu cũng giảm tương ứng.

**5.27 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	138.214.670.237	156.195.766.460
Chi phí nhân công	99.332.645.414	103.768.634.221
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.223.664.692	32.260.874.010
Chi phí dịch vụ mua ngoài	31.587.125.150	26.613.772.195
Chi phí khác bằng tiền	25.170.242.308	22.685.472.714
<b>Tổng</b>	<b>302.528.347.801</b>	<b>341.524.519.600</b>

**5.28 Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

Tiền dùng để mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm số tiền 2.024.726.035 đồng (năm 2019 là 1.090.670.000 đồng), là số tiền dùng để mua thêm tài sản cố định phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

## THÔNG TIN KHÁC

## 1.1 Giao dịch với các bên liên quan

## Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc Công ty

Bên liên quan	Chức danh	Tính chất giao dịch	Năm 2020		Năm 2019	
			VND	VND	VND	VND
<b>Hội đồng Quản trị</b>						
Ông Nguyễn Đức Hoàng	Chủ tịch HĐQT	Thu nhập từ thù lao và lợi ích khác	1.757.513.230	1.758.629.132	3.698.560.183	
Bà Bùi Thị Chiêm	Thành viên HĐQT -Kế toán trưởng	Thu nhập từ thù lao và lợi ích khác	1.074.449.116	1.047.660.051	277.500.000	
Ông Nguyễn Hoàng Linh	Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc	Thu nhập từ thù lao và lợi ích khác	296.600.000	296.600.000	277.500.000	
Ông Nguyễn Hoàng Hải	Thành viên HĐQT	Thu nhập từ thù lao và lợi ích khác	296.600.000	296.600.000	277.500.000	
Ông Võ Đình Thanh Thuận	Thành viên HĐQT	Thu nhập từ thù lao và lợi ích khác	61.295.000	59.771.000	705.636.000	
Ông Hoàng Hữu Thăng	Thư ký HĐQT	Thu nhập từ thù lao và lợi ích khác	754.647.000	267.549.000	251.212.000	
<b>Ban Kiểm soát</b>						
Ông Lê Minh Đức	Trưởng ban	Thu nhập từ thù lao và lợi ích khác	243.549.000	227.212.000	227.212.000	
Ông Hoàng Hữu Thăng	Thành viên	Thu nhập từ thù lao và lợi ích khác	243.549.000	227.212.000	4.156.244.907	
Ông Trần Hồng Tuấn	Thành viên	Thu nhập từ thù lao và lợi ích khác	6.206.984.041	1.627.061.980	1.493.929.643	
<b>Ban Giám đốc</b>						
Ông Nguyễn Đức Dũng	Tổng Giám đốc	Thu nhập từ lương và lợi ích khác	948.456.224	874.163.539	874.163.539	
Ông Hoàng Quang Tuyến	Phó Tổng Giám đốc	Thu nhập từ lương và lợi ích khác	979.008.715	904.682.660	904.682.660	
Ông Hoàng Hữu Thăng	Phó Tổng Giám đốc	Thu nhập từ lương và lợi ích khác	985.497.839	883.469.065	883.469.065	
Ông Nguyễn Văn Vinh	Phó Tổng Giám đốc	Thu nhập từ lương và lợi ích khác	836.609.532	-	-	
Ông Nguyễn Thanh Long	Phó Tổng Giám đốc	Thu nhập từ lương và lợi ích khác	830.349.751	-	-	
Ông Nguyễn Hoàng Linh	Phó Tổng Giám đốc	Thu nhập từ lương và lợi ích khác				
<b>Tổng</b>			<b>10.744.688.387</b>	<b>8.560.441.090</b>	<b>8.560.441.090</b>	

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐỒNG NAI**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN/HN

**6.2 Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT với ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần.

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2021*

**Người lập**

**Kế toán trưởng**

**Tổng Giám đốc**



**Nguyễn Xuân Quang**

**Bùi Thị Chiêm**

**Nguyễn Đức Dũng**

